| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM GIANG**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 08/2017/HSST
Ngày 07/9/2017

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Lê Xuân Tri.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông: Nguyễn Công Bình.
Nghề nghiệp: Cán bộ.
Nơi công tác: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
Ông: Trần Ngọc Hùng.
Nghề nghiệp: Cán bộ.
Nơi công tác: Phòng Nội vụ huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà: Nguyễn Thị Nhân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam*** tham gia phiên tòa:
Ông: Mai Xuân Đáp. Kiểm sát viên.
Hôm nay vào lúc 07 giờ 00 ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại cơ quan Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:
Nguyễn Hồng T. Tên khác do bị cáo tự khai là: Cu L; sinh ngày 03 tháng 02 năm 1997 tại thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú tại Tổ 7, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp lao động phổ thông; trình độ văn hóa lớp 9/12; con ông Nguyễn C(đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo chưa có vợ; con; tiền sự không có; tiền án không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 28 tháng 7 năm 2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.
Người bào chữa cho bị cáo:
Bà: Ngô Thị Diễm và bà: Lê Thị Sao Mai - là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Bà Diễm có mặt. Bà Mai có đơn xin vắng mặt.
Người bị hại:
Bà: Huỳnh Thị B; sinh năm 1948; nơi cư trú tại Tổ 4, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: Lê Trung P; sinh năm 1987; nơi cư trú tại Tổ 7, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi đã thực hiện như sau: Khoảng 18 giờ 00 ngày 29 tháng 5 năm 2017, bị cáo điều khiển xe mô tô Sirius biển số 92S1 - 027.48 đi cùng ông Võ Việt L đến tiệm cầm đồ TB của bà Huỳnh Thị B, tại Tổ 4, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để cầm cố chiếc xe máy của ông L. Sau khi bà B thống nhất được giá cả cầm cố, bà B đi vào phòng ngủ để lấy tiền và bản hợp đồng thì ông L và bị cáo T cũng đi theo phía sau. Bị cáo T nhìn thấy trong phòng ngủ tiệm cầm đồ có 02 (hai) chiếc điện thoại di động để trên két sắt đặt ngay cạnh cửa sổ đang mở, nên bị cáo nảy sinh ý đồ lấy trộm. Đến lúc bà B đi ra bàn tiếp khách để ghi hợp đồng và giao tiền cho ông L thì bị cáo T đi ra khỏi tiệm cầm đồ rồi bị cáo đi vòng lại phía sau phòng ngủ, dùng tay đưa qua cửa sổ lấy 02 (hai) chiếc điện thoại di động bỏ vào túi quần bên trái của bị cáo, sau đó, bị cáo đi ra trước cổng tiệm cầm đồ đứng đợi ông L. Ông L đi ra thì bị cáo chở ông L đi uống bia đến 18 giờ 30 phút cùng ngày rồi đi về nhà. Tại nhà bị cáo, bị cáo cất giấu 02 (hai) chiếc điện thoại, đến sáng ngày 30 tháng 5 năm 2017, bị cáo đem 02 (hai) chiếc điện thoại đi tiêu thụ thì bị bắt. Trong đêm 29 tháng 5 năm 2017 ông Võ Việt L cũng bị chết vì tai nạn giao thông.

Vật chứng thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu xám và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu vàng trắng. Kết luận định giá tổng giá trị là 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội xác định lại hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và nhân thân của bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31 của BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và bị cáo thuộc hộ nghèo, không có công việc làm, không có thu nhập nên xét để miễn khấu trừ thu nhập.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến thống nhất tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và loại hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa phân tích thêm nhân thân và hoàn cảnh gia đình hiện nay của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất ý kiến phát biểu của người bào chữa, bị cáo không bào chữa thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo,

## XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 29 tháng 5 năm 2017, bị cáo Nguyễn Hồng T điều khiển xe mô tô Sirius biển số 92S1 - 027.48 đi cùng ông Võ Việt L đến tiệm cầm đồ TB của bà Huỳnh Thị B, tại Tổ 4, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để cầm cố xe máy của ông L và bị cáo có nhìn thấy trong phòng ngủ tiệm cầm đồ của bà B có 02 (hai) chiếc điện thoại di động để trên két sắt, đặt sát cửa sổ đang mở, nên bị cáo nảy sinh ý đồ trộm lấy. Trong lúc bà B đang giao dịch với ông L thì bị cáo đi ra khỏi tiệm cầm đồ, rồi bị cáo đi vòng lại phía sau tiệm, đưa tay qua cửa sổ để lấy 02 (hai) chiếc điện thoại di động. Như vậy, bị cáo Nguyễn Hồng T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự ngày 31 tháng 5 năm 2017 thì giá trị 02 (hai) chiếc điện thoại di động là 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Hồng T phạm vào Tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Xét tính chất vụ án thì chế độ sở hữu tài sản được nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng. Bị cáo Nguyễn Hồng T đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

Xét hành vi của bị cáo là liều lĩnh. Nhìn thấy điện thoại của bà B để trong phòng ngủ tiệm cầm đồ và muốn có tiền để tiêu xài, bị cáo đã lén lút lấy trộm. Hành vi của bị cáo đã làm thiệt hại tài sản của người khác và làm mất trật tự xã hội.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giá trị tài sản bị trộm cắp thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, thuộc hộ nghèo; cha bị cáo mất khi bị cáo còn nhỏ nên có thiếu sự giáo dục; hiện nay bị cáo còn có trách nhiệm chăm sóc em ruột chưa thành niên; người bị hại có đơn xin bãi nại đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết được coi là giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Xét về ý kiến của người bào chữa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi, Hội đồng xét xử thấy rằng phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 31 của BLHS

năm 1999, là hình phạt nằm trong khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 để xử phạt bị cáo; đồng thời bị cáo thuộc hộ nghèo, là dân lao động tự do, không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của BLHS năm 1999 thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, bị cáo Nguyễn Hồng T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, thuộc hộ nghèo, điều kiện kinh tế rất khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét về vật chứng vụ án là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu xám và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu vàng trắng, theo yêu cầu của người bị hại, cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho người bị hại theo đúng Điều 42 của BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) năm 2003; cũng như đối với chiếc xe mô tô biển số 92S1 - 027.48 được xác định là của ông Lê Trung P, bị cáo sử dụng trái phép chiếc xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Xét về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, người bị hại không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về án phí, căn cứ Điều 99 của BLTTHS năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Hồng T thuộc hộ nghèo, có Ủy ban nhân dân nơi bị cáo thường trú xác nhận và bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp án phí, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH để miễn nộp tiền án phí đối với bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; phạt bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được tính trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 60 (sáu mươi) ngày (tính từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 28 tháng 7 năm 2017), cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam để giám sát, giáo dục.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

2. Án phí:

Căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, bị cáo Nguyễn Hồng T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*
-Các cơ quan tiến hành tố tụng;
-Người tham gia tố tụng;
-Công an Quảng Nam (PV27);
-Sở Tư pháp Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
-Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Xuân Tri**